

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

**Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Bối cảnh và yêu cầu đặt ra

Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Cùng với các nghị quyết trụ cột có liên quan, tạo khung chính sách mới để thúc đẩy tăng trưởng dựa trên năng suất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và kinh tế số.

Quốc hội ban hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; tạo dư địa thí điểm cho địa phương, nhất là cơ chế đặt hàng, đồng tài trợ, chấp nhận rủi ro và thử nghiệm có kiểm soát.

Tỉnh Cà Mau bước vào giai đoạn phát triển mới với không gian phát triển mở rộng, hệ sinh thái kinh tế biển - nông nghiệp sinh thái - năng lượng tái tạo - du lịch xanh; yêu cầu quản trị hiện đại, điều hành dựa trên dữ liệu, bảo đảm an ninh - an toàn không gian mạng và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Thực trạng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh

Trong thời gian qua, tỉnh Cà Mau đã quan tâm triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống; từng bước thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước và một số lĩnh vực kinh tế - xã hội. Một số tiến bộ kỹ thuật đã được ứng dụng vào nuôi trồng, chế biến thủy sản; công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, năng lượng nguyên tử được tăng cường. Tuy nhiên, quy mô và hiệu quả đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa tương xứng với tiềm năng; liên kết viện - trường - doanh nghiệp còn hạn chế; thương mại hóa kết quả nghiên cứu chưa mạnh; dữ liệu còn phân tán, thiếu chuẩn dùng chung và cơ chế chia sẻ; hạ tầng số chưa đồng bộ ở một số khu vực; nhân lực chất lượng cao và nhân lực số còn thiếu; mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến và nền tảng số của doanh nghiệp chưa đồng đều; nguy cơ rủi ro an toàn thông tin ngày càng tăng.

3. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Từ năm 2024 đến nay, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều nghị quyết có ý nghĩa chiến lược, bao trùm hầu hết các lĩnh vực then chốt của đất nước. Không chỉ xác lập những mục tiêu lớn, tầm nhìn dài hạn, các nghị quyết còn đặt ra yêu cầu cấp thiết phải chuyển mạnh từ “ban hành chủ trương” sang “quản trị thực thi”. Vấn đề mang tính quyết định hiện nay là biến quyết tâm chính trị thành hành động cụ thể, kết quả đo đếm được, đề nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống và trở thành động lực thúc đẩy phát triển đất nước. Trong đó, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, qua đó tạo nền tảng cho tăng trưởng nhanh, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Việc hợp nhất tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau theo chủ trương của Trung ương là bước ngoặt quan trọng. Quá trình chuyển đổi mô hình từ chính quyền địa phương ba cấp sang hai cấp, cùng với việc mở rộng địa bàn, dân số và phạm vi quản lý, đòi hỏi phải nhanh chóng điều chỉnh định hướng phát triển. Đây là cơ hội lớn để tái cơ cấu hệ thống tổ chức, phân bổ nguồn lực hợp lý, mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực quản trị. Trong đó, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cần trở thành nền tảng để hình thành hệ sinh thái quản trị hiện đại, linh hoạt và thích ứng nhanh với bối cảnh mới.

Thời gian qua, khoa học, công nghệ phát triển khá, bám sát nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhiều tiến bộ kỹ thuật mới đã được áp dụng vào sản xuất, góp phần làm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, hạn chế rủi ro. Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, quản lý công nghệ, thị trường công nghệ, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo... thường xuyên được quan tâm và đạt kết quả quan trọng. Nhận thức của doanh nghiệp và người sản xuất về tầm quan trọng của việc cải tiến, đổi mới kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, gắn với chuyển đổi số, nhất là ứng dụng trí tuệ nhân tạo ngày càng nâng cao, xem đó là yêu cầu tất yếu, quyết định sự tồn tại, phát triển của doanh nghiệp và quyết định chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của sản phẩm. Hiệu quả bước đầu của việc thay đổi tư duy tạo tiền đề cho bước đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW trong thời gian tới.

Trên cơ sở định hướng của Trung ương và những kết quả đã đạt được, Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030 được xây dựng với tinh thần kế thừa, phát huy các lợi thế sẵn có, đảm bảo tích hợp, bổ sung đầy đủ những yêu cầu mới sau hợp nhất tỉnh. Các giải pháp trong Đề án tập trung xây dựng hệ sinh thái khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thống nhất, gắn kết chặt chẽ với mạng lưới liên kết vùng; bảo đảm đồng bộ về thể chế, hạ tầng, dữ liệu và nguồn nhân lực. Đề án cũng là cơ sở để hiện thực hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, qua đó tạo nền tảng vững chắc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của tỉnh.

Đề án là công cụ tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và các chủ trương, cơ chế, chính sách mới của Trung ương; đồng thời cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đề án được xây dựng theo tinh thần kế thừa, phát huy lợi thế sẵn có, tích hợp yêu cầu mới sau sắp xếp đơn vị hành chính; tập trung vào các nhiệm vụ then chốt, tạo đột phá về thể chế, hạ tầng, dữ liệu và nguồn nhân lực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Các văn bản của trung ương

Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025.

Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025.

Luật Năng lượng nguyên tử ngày 27 tháng 6 năm 2025.

Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025.

Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dữ liệu quốc gia đến năm 2030.

2. Các văn bản của tỉnh Cà Mau

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Chương trình số 11-CTr/TU ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Kế hoạch số 61-KH/TU ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026.

III. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, động lực chính để đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng tăng trưởng của tỉnh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện đạt mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

Chuyển đổi số là khâu đột phá hàng đầu, được triển khai toàn diện, lâu dài, trên tất cả các lĩnh vực, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể và động lực chính. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, dẫn dắt, tạo điều kiện thuận lợi; đề cao hiệu quả thực chất, tránh hình thức; phát triển đồng bộ thể chế - hạ tầng - dữ liệu - nhân lực; gắn với yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền số.

Phát triển thị trường khoa học và công nghệ hiện đại, đồng bộ, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ tham gia tích cực. Thúc đẩy hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo liên kết chặt chẽ giữa nhà nước - viện nghiên cứu,

trường đại học - doanh nghiệp - nhà đầu tư - tổ chức trung gian công nghệ.

Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách đặc thù về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đảm bảo linh hoạt, thông thoáng, phù hợp thực tiễn địa phương. Chủ động cụ thể hóa kịp thời chủ trương, định hướng của Trung ương; ưu tiên thử nghiệm chính sách mới, mô hình mới; đơn giản hóa thủ tục, tăng tính tự chủ, khuyến khích sáng tạo và đầu tư đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

Bảo đảm nguồn lực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nhiệm vụ chiến lược lâu dài, với tỷ lệ chi ngân sách tối thiểu 3% tổng chi thường xuyên. Tăng cường xã hội hóa, huy động các nguồn lực trong và ngoài nước; ưu tiên đầu tư cho hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu chuyển giao đổi mới sáng tạo, dữ liệu lớn, công nghệ hiện đại, đào tạo nhân lực chất lượng cao.

Tăng cường hợp tác quốc tế và liên kết vùng, thu hút nguồn lực tri thức, công nghệ, nhà đầu tư, chuyên gia trong và ngoài nước; mở rộng mạng lưới hợp tác giữa tỉnh với các viện, trường, doanh nghiệp công nghệ lớn.

2. Định hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đổi mới toàn diện, đồng bộ về tổ chức, cơ chế tài chính, quản lý, cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ; hoàn thiện cơ sở pháp lý quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm nguyên tắc công khai minh bạch và công bằng, kết hợp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra chuyên ngành.

Tập trung nguồn lực triển khai thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải quyết các vấn đề về khoa học và công nghệ gồm: nghiên cứu ứng dụng, nhiệm vụ phát triển công nghệ, nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội; các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải quyết các vấn đề về đổi mới sáng tạo gồm: nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo dựa trên đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ, nhiệm vụ khởi nghiệp sáng tạo và các nhiệm vụ khác nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và hội nhập quốc tế.

Chú trọng xây dựng và thúc đẩy các giải pháp thu hút nguồn lực xã hội đặc biệt là từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp để đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ kỹ thuật vào sản xuất - kinh doanh; ưu tiên bố trí nguồn lực từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để đồng tài trợ hoặc đặt hàng nghiên cứu theo nhu cầu thực tế; kết nối cung - cầu công nghệ, hỗ trợ tiếp nhận, làm chủ và cải tiến công nghệ thông qua hợp tác viện - trường - doanh nghiệp - nhà đầu tư - tổ chức trung gian, tổ chức hội chợ và sàn giao dịch công nghệ; hỗ trợ đăng ký, bảo hộ, quản lý và khai thác quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm. Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học - công nghệ, dịch vụ R&D tư nhân và cơ chế thương

mại hóa kết quả nghiên cứu, nhằm thu hút nhà đầu tư và khuyến khích tái đầu tư vào hoạt động nghiên cứu.

Thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các ngành kinh tế chủ lực như: nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, kinh tế biển, chuyển đổi số, du lịch sinh thái, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo... Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tối ưu quy trình sản xuất và mô hình quản trị, tăng hiệu quả sử dụng lao động, vốn và tài nguyên; tăng cường đào tạo kỹ năng công nghệ số, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi, thúc đẩy hợp tác giữa doanh nghiệp và viện trường để đưa tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn, đồng thời tăng cường quản lý chất lượng, đổi mới hoạt động đo lường và thúc đẩy áp dụng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, tạo động lực thúc đẩy TFP tăng trưởng bền vững.

Tập trung nâng cao năng lực các trụ cột trong PII như: vốn con người, hoạt động nghiên cứu phát triển, hạ tầng số kỹ thuật và kết quả đổi mới sáng tạo... Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đổi mới sáng tạo đồng bộ; tăng cường đầu tư cho các tổ chức nghiên cứu, cơ sở ươm tạo và Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo; thúc đẩy mô hình liên kết ba nhà (Nhà nước - Nhà khoa học - Doanh nghiệp); áp dụng các công cụ đánh giá định kỳ để theo dõi tiến độ cải thiện từng trụ cột của PII theo hướng dẫn từ Bộ Khoa học và Công nghệ.

Phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số, chuyển đổi số trong các ngành kinh tế truyền thống, thúc đẩy thương mại điện tử, dịch vụ số, sản xuất thông minh và nền tảng số nông nghiệp. Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp công nghệ lớn, xây dựng khu công nghiệp số, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi mô hình kinh doanh phù hợp với xu thế kinh tế số. Bảo đảm sẵn sàng về hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số, các chính sách chia sẻ dữ liệu, thanh toán điện tử, logistics số và an toàn, an ninh mạng để tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế số.

Triển khai hiệu quả các nền tảng số quốc gia, dùng chung, chuyên ngành, xây dựng và tạo lập đầy đủ các cơ sở dữ liệu để đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành bằng dữ liệu; thúc đẩy mạnh mẽ kinh tế số, xây dựng xã hội số, đảm bảo an toàn thông tin và phát triển nhân lực số để chuyển đổi số toàn diện theo các chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nhân lực số; thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo trong khu vực công và tư; triển khai “Bình dân học vụ số” gắn với nhu cầu thực tiễn. Xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, quản trị về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ công tác các sở, ngành tỉnh; UBND cấp xã; các tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ...

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu chung

Tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; nâng cao năng suất tổng hợp, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh; xây dựng chính quyền số hiện đại; thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; góp

phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

(chi tiết tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo).

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, tạo chuyển biến toàn diện về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Xác định nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy là bước đi đầu tiên mang tính chiến lược nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số một cách đồng bộ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương, định hướng của Trung ương và địa phương trên tất cả các kênh truyền thông, từ báo chí chính thống, phát thanh truyền hình đến nền tảng số, mạng xã hội và hệ thống giáo dục, chính trị cơ sở. Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, cung cấp thông tin liên quan đến triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên hệ thống Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước để cập nhật kịp thời chủ trương, chính sách và kết quả triển khai thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Truyền thông sẽ tập trung làm rõ vai trò then chốt của nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, gắn với quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội. Đồng thời, chú trọng bồi dưỡng tư duy đổi mới và kỹ năng số cho cán bộ, công chức, doanh nghiệp và người dân, đặc biệt ở cơ sở, nhằm lan tỏa tinh thần làm chủ công nghệ và tích cực tham gia vào quá trình chuyển đổi số toàn diện.

Phát động các phong trào thi đua sáng tạo, nhân rộng điển hình tiên tiến, kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Qua đó, góp phần củng cố niềm tin, khơi dậy tinh thần đổi mới, tạo chuyển biến mạnh mẽ và đồng thuận cao trong toàn xã hội, thúc đẩy sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân vào sự nghiệp phát triển tỉnh trong thời kỳ mới.

2. Phát triển đột phá khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ tăng trưởng kinh tế

Triển khai đồng bộ cơ chế, chính sách về thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản; triển khai kịp thời văn bản của Trung ương về thí điểm một số cơ chế, chính sách để tháo gỡ vướng mắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mang tính đột phá; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; thí điểm các mô hình kinh tế mới, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ...

Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích doanh nghiệp và tổ chức tư nhân đầu tư cho nghiên cứu - phát triển, giảm hỗ trợ tài chính với cơ chế khoán sản phẩm và đơn giản hóa thủ tục để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Song song, phát

triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ với mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, chuyên gia, phấn đấu đạt tỷ lệ nhân lực nghiên cứu đạt 12 người/1 vạn dân năm 2030, đặc biệt chú trọng đào tạo nhân lực công nghệ số và dữ liệu. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp hạ tầng nghiên cứu - ứng dụng thông qua đầu tư, mở rộng các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm hiện có, đồng thời hợp tác với các viện, trường trong và ngoài tỉnh để tận dụng cơ sở vật chất hiện đại.

Đổi mới căn bản phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh của từng ngành, lĩnh vực của tỉnh. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập, các hội, tổ chức thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ theo hướng tinh gọn, mạnh, hiệu quả, tỷ lệ đơn vị sự nghiệp tự chủ về tài chính tăng nhanh. Gắn chức năng, nhiệm vụ với hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và nhận chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến.

Thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi cho sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải.

Khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đổi mới công nghệ, tăng tỷ lệ chi cho nghiên cứu - phát triển. Các lĩnh vực ưu tiên gồm nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, kinh tế biển, chuyển đổi số, du lịch sinh thái, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, nhằm tạo sản phẩm có giá trị gia tăng cao và nâng cao sức cạnh tranh địa phương. Đồng thời, tỉnh khuyến khích nghiên cứu cơ bản gắn với ứng dụng thực tiễn, tập trung hỗ trợ cho phát triển các công nghệ chiến lược và sản phẩm chủ lực, góp phần đổi mới mô hình sản xuất - kinh doanh trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo hướng đồng bộ, thực chất, gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và thực tiễn địa phương, nhằm nâng cao trình độ thị trường công nghệ tại tỉnh. Tổ chức thường xuyên các hoạt động kết nối cung cầu công nghệ, ngày hội đổi mới sáng tạo, sàn giao dịch công nghệ, diễn đàn chuyển giao công nghệ... tạo kênh liên kết hiệu quả giữa nhà nghiên cứu, doanh nghiệp và nhà đầu tư; Hỗ trợ doanh nghiệp thành lập và vận hành theo mô hình doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; tạo điều kiện tiếp cận các ưu đãi về tín dụng, thuế, đất đai và hỗ trợ nghiên cứu phát triển. Khuyến khích hình thành và phát triển các tổ chức trung gian như trung tâm hỗ trợ chuyển giao công nghệ, tổ chức định giá tài sản trí tuệ, đơn vị tư vấn pháp lý về sở hữu trí tuệ... qua đó thúc đẩy hoạt động ứng dụng công nghệ và thương mại hóa sáng chế, giải pháp hữu ích trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức thực hiện hiệu quả chương trình hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa gắn với yêu cầu của thị trường và định hướng phát triển bền vững. Hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến quy trình sản xuất, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với từng ngành hàng; nâng cao năng lực kiểm định, đổi mới hoạt động đo lường và tăng cường truy xuất nguồn gốc sản phẩm... Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và năng lực thực thi cho các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

Tập trung đẩy mạnh việc xác lập, quản lý và khai thác tài sản trí tuệ làm đòn bẩy nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Hàng năm, cơ quan chủ trì căn cứ vào mục tiêu tăng trưởng số lượng đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ sáng chế bình quân để triển khai chương trình, kế hoạch hỗ trợ cụ thể. Phân đầu hàng năm, đạt ít nhất 12 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (*sáng chế, giải pháp hữu ích*), tăng trung bình 15%/năm và ít nhất 10 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng bảo hộ, quản lý và phát triển các sản phẩm đặc thù, đặc sản ở địa phương giai đoạn 2026 - 2030, phát triển ít nhất 12 nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc thù, OCOP, làng nghề truyền thống, tri thức truyền thống, văn hóa bản địa và du lịch địa phương. Tiếp tục thúc đẩy các hoạt động đăng ký, bảo hộ, quản lý và khai thác quyền sở hữu trí tuệ, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm chủ lực địa phương. Hình thành sàn giao dịch công nghệ; phát triển các tổ chức tư vấn pháp lý về sở hữu trí tuệ để thúc đẩy thương mại hóa các sáng chế, sản phẩm công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm địa phương.

Triển khai xây dựng và thực hiện có hiệu quả Chương trình đổi mới công nghệ tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030; Đề án ứng dụng công nghệ cao trong một số ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030.

3. Phát triển toàn diện hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

Kiện toàn và vận hành hiệu quả Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (CiNEC); phát triển các chương trình ươm tạo, tăng tốc, kết nối đầu tư và tư vấn sở hữu trí tuệ.

Triển khai xây dựng và thực hiện có hiệu quả Chương trình đổi mới sáng tạo tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030. Xây dựng chính sách khuyến khích mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại tỉnh.

Tập trung xây dựng và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo địa phương, thúc đẩy liên kết chặt chẽ giữa viện nghiên cứu - trường đại học - doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, hình thành chuỗi giá trị khép kín từ nghiên cứu - phát triển - thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ. Đồng thời, khuyến khích hình thành và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức trung gian hỗ trợ đổi mới sáng tạo như trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, vườn ươm doanh nghiệp và không gian sáng tạo chung. Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ tài chính linh hoạt, khuyến khích hình thành quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo với sự tham gia của cả khu vực công và tư. Đẩy mạnh xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo trong cộng đồng doanh nghiệp và thanh niên, gắn với phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo địa phương.

Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp công nghệ thông qua các chương trình tập huấn, cố vấn chuyên sâu về quản trị, công nghệ và thị trường. Ưu tiên hỗ trợ tiếp cận vốn từ Quỹ phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh, các chương trình tín dụng ưu đãi, hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ và

phát triển sản phẩm thương mại hóa từ kết quả nghiên cứu. Ban hành cơ chế phối hợp liên ngành giữa các sở, ngành trong việc xác nhận và ưu tiên hỗ trợ pháp lý, tài chính cho nhóm doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp công nghệ cao.

Cải thiện Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) thông qua xây dựng bộ chỉ tiêu theo dõi chi tiết từng trụ cột thành phần như nguồn nhân lực chất lượng cao, năng lực nghiên cứu phát triển, mức độ ứng dụng công nghệ, liên kết hệ sinh thái, dịch vụ khoa học công nghệ. Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu đổi mới sáng tạo kết nối giữa các sở ngành, cập nhật thường xuyên theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Triển khai các mô hình đổi mới sáng tạo điển hình trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, trường học, cơ quan nhà nước nhằm tạo tác động lan tỏa và tích hợp đổi mới sáng tạo vào phát triển toàn diện của tỉnh.

4. Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của chính quyền, cán bộ, công chức, doanh nghiệp và nhân dân về vai trò then chốt của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xác định rõ việc phát triển và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt của hệ thống chính trị. Tăng cường tuyên truyền, xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo, tạo thống nhất về ý chí và hành động, thúc đẩy chủ động học tập và ứng dụng công nghệ phục vụ phát triển.

Ban hành quy định cụ thể về đối tượng, lĩnh vực được hưởng chế độ ưu đãi đối với cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, tài năng đang phục vụ trong hệ thống chính trị của tỉnh; chính sách thu hút, trọng dụng, giữ chân đối với cán bộ được đào tạo bài bản, có năng lực công tác tốt đặc biệt là làm việc trong môi trường quốc tế; quy định bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu về các lĩnh vực cạnh tranh, năng lực sạch, năng lực tái tạo, năng lực nguyên tử và du lịch ứng dụng công nghệ cao; đồng thời thúc đẩy kỹ năng số toàn dân và củng cố đội ngũ giáo viên lĩnh vực công nghệ nhằm xây dựng năng lực phân tích dữ liệu lớn trong các ngành kinh tế trọng điểm.

Đầu tư vào xây dựng phòng thí nghiệm, cơ sở thử nghiệm, trung tâm kiểm định để tạo ra hạ tầng nghiên cứu ứng dụng thực tiễn. Đồng thời, cải cách quy trình quản lý, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục, thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong toàn tỉnh.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số

Phát triển hạ tầng số và nền tảng số dùng chung; hoàn thiện Trung tâm dữ liệu tỉnh; triển khai nền tảng dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở và tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

Xây dựng chính quyền số hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đưa hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền lên môi trường số. Ưu tiên đầu tư,

nâng cấp các nền tảng số dùng chung và nền tảng chuyên ngành bảo đảm triển khai theo mô hình chính quyền hai cấp, tạo sự liên thông, đồng bộ giữa các cấp chính quyền. Đẩy mạnh số hóa quy trình nội bộ, cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn trình, cá nhân hóa, không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Trong đó, tập trung đột phá trong xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực và địa phương theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; cùng với đó là phát huy vai trò hạt nhân của chính quyền cấp xã trong tạo lập, cập nhật dữ liệu quản lý nhà nước và phát triển đô thị thông minh từ cơ sở. Tích cực nghiên cứu, ưu tiên ứng dụng công nghệ hiện đại như AI, IoT, Big Data,... trong các nền tảng số nhằm hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản lý, cải thiện năng suất và chất lượng giải quyết công việc của chính quyền các cấp.

Phát triển kinh tế số trở thành một trụ cột của cơ cấu kinh tế tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, gắn chặt với chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững, lấy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn làm mục tiêu. Tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số trong tất cả các ngành kinh tế; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số toàn diện; thúc đẩy thương mại điện tử, thanh toán số, kinh tế nền tảng và kinh tế chia sẻ để tạo đột phá tăng trưởng kinh tế số chiếm 20% GRDP của tỉnh vào năm 2030. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số và xuất khẩu qua nền tảng số toàn cầu, tập trung. Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển các nền tảng thanh toán số và dịch vụ tài chính trực tuyến. Ứng dụng dữ liệu để nâng cao năng lực chống rủi ro tài chính, thúc đẩy phát triển tài chính số, thúc đẩy chia sẻ và lưu thông hiệu quả dữ liệu tín dụng tài chính, dữ liệu tín dụng công và dữ liệu tín dụng thương mại trên cơ sở tuân thủ và an toàn pháp lý. Ứng dụng công nghệ blockchain và AI để tăng cường bảo mật và hiệu quả giao dịch tài chính. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận dịch vụ tài chính số.

Tăng cường ứng dụng công nghệ số phục vụ xã hội, phấn đấu để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, tài khoản số và kỹ năng số, hình thành công dân số, tạo đột phá trong phát triển xã hội số. Thúc đẩy phổ cập kỹ năng số cơ bản, bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận và sử dụng dịch vụ số. Phát triển hệ sinh thái dịch vụ số thiết yếu trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, an sinh xã hội, môi trường... lấy người dân làm trung tâm trong thiết kế và triển khai. Xây dựng văn hóa số lành mạnh, bảo đảm an toàn thông tin, giữ gìn bản sắc dân tộc, thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số. Khuyến khích người dân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia đồng sáng tạo và hoàn thiện dịch vụ số đã cung cấp.

6. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng trong tình hình mới

Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm bảo vệ an toàn, an ninh mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên môi trường số; bảo vệ hạ tầng thông tin quan trọng và thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và người dân trong quá trình chuyển đổi số.

Rà soát, ban hành Chiến lược dữ liệu của tỉnh bảo đảm phù hợp với Khung

kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung; Triển khai vận hành hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) của tỉnh theo dõi, ghi nhận và cảnh báo sớm các dấu hiệu tấn công mạng đối với các hệ thống thông tin trọng yếu, dùng chung của tỉnh; tuyên truyền, phổ biến kỹ năng nhận diện rủi ro mạng, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ dữ liệu cá nhân thông qua phương tiện truyền thông, nền tảng số và Tổ công nghệ số cộng đồng; hướng dẫn người dân sử dụng Internet an toàn.

Tiếp tục triển khai giám sát, bảo vệ an toàn thông tin thiết bị đầu cuối tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo mô hình chung.

Tổ chức rà soát, kiểm tra, đánh giá, khắc phục các lỗ hổng bảo mật hạ tầng công nghệ thông tin; rà soát mối nguy hại và bóc tách mã độc cho máy chủ, máy trạm trong hệ thống mạng tại các cơ quan, đơn vị.

Tổ chức Hội nghị, hội thảo về an toàn thông tin, thực hiện tuyên truyền, cảnh báo về công tác an toàn thông tin cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số công cụ hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

Đầu tư trang thiết bị, củng cố nâng cao năng lực ứng cứu khẩn cấp sự cố nhằm đáp ứng yêu cầu giám sát, cảnh báo, phòng chống tấn công mạng và hỗ trợ xử lý sự cố trên địa bàn. Đồng thời, phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách về an toàn, an ninh mạng ở các cơ quan, đơn vị; kiện toàn lực lượng ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cấp tỉnh, bảo đảm năng lực phản ứng nhanh và hiệu quả trước các nguy cơ, sự cố mất an toàn thông tin.

7. Mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút hiệu quả nguồn lực tri thức, công nghệ và đầu tư từ các tổ chức, đối tác trong và ngoài nước

Tăng cường thiết lập, mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ lớn, địa phương có thể mạnh trong và ngoài nước để thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực chất lượng cao và chia sẻ kinh nghiệm chuyển đổi số. Đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ thu hút các nguồn lực bên ngoài cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

Thúc đẩy các chương trình hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, kinh tế biển, chuyển đổi số, du lịch sinh thái, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, kinh tế số và kinh tế tuần hoàn. Khuyến khích các đối tác đầu tư xây dựng trung tâm nghiên cứu, không gian sáng tạo, cơ sở chuyển giao công nghệ và nền tảng số tại địa phương.

V. KINH PHÍ VÀ CƠ CHẾ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC

1. Nguyên tắc chung

Kinh phí thực hiện Đề án được huy động từ ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn hợp pháp khác; ưu tiên bố trí theo chương trình đột phá, gắn với mục tiêu và chỉ tiêu đầu ra; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Nguồn lực thực hiện

Ngân sách tỉnh (chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển) theo khả năng cân đối hằng năm.

Ngân sách Trung ương hỗ trợ theo các chương trình, dự án và nhiệm vụ được giao.

Nguồn lực xã hội hóa: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; đồng tài trợ, đối tác công tư; nguồn viện trợ, tài trợ, hợp tác quốc tế; huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân.

3. Cơ chế sử dụng kinh phí

Thực hiện theo quy định hiện hành; ưu tiên cơ chế đặt hàng, khoán chi, đồng tài trợ và các cơ chế đặc thù được cho phép; gắn phân bổ kinh phí với kết quả, sản phẩm đầu ra và mức độ hoàn thành KPI.

VI. THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ VÀ BÁO CÁO

1. Bộ chỉ tiêu theo dõi - đánh giá

Bộ chỉ tiêu theo dõi - đánh giá thực hiện Đề án gồm các chỉ tiêu đầu vào, đầu ra và kết quả/tác động, được quy định tại Phụ lục kèm theo. Các cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm cập nhật dữ liệu, báo cáo định kỳ và bảo đảm tính chính xác.

2. Chế độ báo cáo

Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo kết quả thực hiện Đề án định kỳ 6 tháng và hằng năm (hoặc đột xuất khi có yêu cầu) về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đánh giá giữa kỳ và tổng kết

Tổ chức đánh giá giữa kỳ vào năm 2028 để rà soát, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp; tổng kết Đề án vào năm 2030, đề xuất định hướng giai đoạn tiếp theo.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp xã tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án hàng năm; tổ chức đề xuất, xây dựng, thẩm định các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trình UBND tỉnh theo quy định.

Hướng dẫn các sở, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh xây dựng và đặt hàng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, gắn với yêu cầu phát triển ngành, địa phương và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030.

Chủ trì lựa chọn chuyên ngành, đối tượng đào tạo; phối hợp các sở, ngành để đề xuất danh mục “nhu cầu nhân lực mũi nhọn” phục vụ chiến lược phát triển của tỉnh.

Chủ trì tham mưu, đề xuất chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài; cơ chế đãi

ngộ; công tác cán bộ đối với nguồn nhân lực KH&CN, ĐMST, CDS chất lượng cao.

Chủ trì theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc tổ chức thực hiện Đề án; định kỳ tham mưu UBND tỉnh tổ chức các hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cấp thẩm quyền trong việc bố trí nguồn ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách và các văn bản pháp luật có liên quan, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

Phối hợp Sở KH&CN và Sở Nội vụ xây dựng cơ chế tài chính đặc thù phục vụ triển khai Đề án.

Đưa các nhiệm vụ phát triển nhân lực KH&CN, ĐMST, CDS vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tranh thủ các nguồn vốn Trung ương, ODA, các chương trình hợp tác quốc tế; hỗ trợ mời gọi doanh nghiệp tham gia đồng tài trợ và tiếp nhận nhân lực sau đào tạo.

3. Sở Nội vụ

Chủ trì tham mưu cơ chế tuyển chọn, sử dụng và bố trí công việc cho học viên sau đào tạo; đề xuất chính sách thu hút, đãi ngộ, đặc cách tuyển dụng đối với nhân lực chất lượng cao.

Phối hợp các cơ quan liên quan xác định chỉ tiêu biên chế, vị trí việc làm cần ưu tiên để đảm bảo đầu ra cho nhân lực được đào tạo.

Kiểm tra, giám sát tình trạng phục vụ, thực hiện cam kết ràng buộc, xử lý các trường hợp không hoàn thành nghĩa vụ.

Phối hợp Sở KH&CN trong việc đánh giá năng lực cán bộ theo tiêu chí chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

Chủ trì đề xuất đưa vào đánh giá để làm cơ sở xét thi đua khen thưởng trách nhiệm người đứng đầu về kết quả triển khai Đề án của ngành, địa phương mình.

4. Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp xã

Chủ động xây dựng và tổ chức triển khai các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và đặc thù của ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách. Lồng ghép nội dung Đề án vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và dài hạn của ngành, địa phương, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu phát triển với định hướng khoa học và công nghệ.

Chủ động tham gia tích cực vào quá trình triển khai Đề án với tinh thần trách nhiệm cao, từ khâu xây dựng nhiệm vụ, thực hiện thí điểm, nhân rộng mô hình đến tổng kết, đánh giá hiệu quả. Đẩy mạnh việc đề xuất, đăng ký nhiệm vụ khoa học và công nghệ có địa chỉ ứng dụng cụ thể, phục vụ trực tiếp cho phát triển sản xuất, cải thiện đời sống Nhân dân và nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước.

Tăng cường phối hợp với các trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế, tiếp nhận, ứng dụng hiệu quả tiên bộ kỹ thuật mới vào từng lĩnh vực cụ thể. Tham gia tích cực các chương trình phối hợp liên ngành, liên vùng do các Bộ, ngành Trung ương chủ trì hoặc phối hợp triển khai.

Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan trong việc xây dựng, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ và phát triển sản phẩm mới. Chủ động tổng hợp, báo cáo kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện đề UBND tỉnh chỉ đạo tháo gỡ, đảm bảo tiến độ và hiệu quả của Đề án.

5. Báo và phát thanh, truyền hình Cà Mau, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Đẩy mạnh tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về vai trò, tầm quan trọng của phát triển KH, CN, ĐMST & CDS thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục của đơn vị.

Phổ biến, lan tỏa câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về KH, CN, ĐMST & CDS trên địa bàn tỉnh.

6. Doanh nghiệp và người dân

Căn cứ định hướng của Đề án, các doanh nghiệp chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển KH, CN, ĐMST & CDS trong doanh nghiệp, thực hiện chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang cung cấp các dịch vụ, sản phẩm trên môi trường số; tái cấu trúc doanh nghiệp, áp dụng các mô hình sản xuất thông minh ứng dụng khoa học công nghệ, đánh giá lại chuỗi giá trị, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp; khai thác và sử dụng tối đa Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn lực khác để tăng cường đầu tư cho các hoạt động CDS.

Người dân trên địa bàn chủ động, tích cực nâng cao các kỹ năng ứng dụng KHCN, công nghệ số, nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của KHCN trong đời sống; tích cực tham gia, hưởng ứng các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương.

7. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp:

Phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Đề án trong đội ngũ cán bộ, hội viên, đoàn viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Vận động các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia thực hiện Đề án; thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với các cơ chế, chính sách và quá trình triển khai Đề án./